

Bản án số 08/2021/HC-PT  
Ngày: 01-7-2021  
V/v khiếu kiện "*Khiếu kiện quyết  
định hành chính, hành vi hành  
chính trong lĩnh vực đất đai thuộc  
trường hợp tách thửa tặng cho  
quyền sử dụng đất*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Triều

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Văn Huyện.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:* Bà Trần Thị Ngọc Thúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 07/2020/TLPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc khiếu kiện "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp tách thửa tặng cho quyền sử dụng đất*".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 22 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 635/2020/QĐPT-HC ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1947

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Võ Trọng K sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: 7/11 P, phường 3, TP M, tỉnh Tiền Giang

2. *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T(xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Khu phố, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

**2/ Ủy ban nhân dân xã T**

Địa chỉ: ấp Khu phố, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ Chủ tịch UBND xã. (xin vắng mặt)

*3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: ấp Cá, thị trấn T1, C, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bé H - Chức vụ Chủ tịch UBND huyện (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện: Nguyễn Văn L sinh năm 1947

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo án sơ thẩm,

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai của người khởi kiện Nguyễn Văn L và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện Nguyễn Văn L là ông Võ Trọng K trình bày:*

Ông L là người có quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 479 m<sup>2</sup> thửa đất số 401 tờ bản đồ 01 tọa lạc tại ấp X, xã T, C, Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02591 QSDĐ/1263/QĐUB-H do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 21/9/2001. Liên kề với phần đất của ông L về hướng Nam là thửa đất 403 của ông Nguyễn Đình Nội để sử dụng làm ranh thì ông L có đào con mương ngang 02 mét chiều dài hết thửa đất khoảng 30 mét. Đến tháng 01/2018 ông L có ý định tách thửa tặng cho phần đất nêu trên cho con gái là Nguyễn Thị Kim L. Khi cán bộ đo đạc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C đến đo đạc thì ông Nội đưa ra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện con mương là mương công cộng nên không đo đạc được. Ông làm đơn khiếu nại gửi UBND xã Tyêu cầu giải quyết thì ngày 10/7/2019 ông nhận được công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T cho rằng thửa đất ông quản lý sử dụng ở hướng Nam tiếp giáp đường thoát nước công cộng 2,0 mét dài khoảng 30 mét đã hình thành trước 1975 để bơm thoát nước tưới tiêu phục vụ sản xuất cho các hộ dân bên trong, ông L tự ý lấn chiếm xây dựng nhà sàn cho con ở năm 2017 nên Ủy ban xã cho là ông L sử dụng đất không đúng qui định. Ông L tiếp tục khiếu nại công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 thì ngày 18/12/2019 Chủ tịch UBND xã T có công văn 143/UBND ngày 09/12/2019 trả lời giữ nguyên công văn số 79. Ông L cho rằng Chủ tịch UBND xã Tra công văn sai qui định lý do UBND xã căn cứ vào xác minh cho

rằng nương công cộng là không đúng lý do giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông L thể hiện đất ông giáp đất ông Nội. Giấy chứng nhận QSDĐ cấp cho ông L không thể hiện con nương. Gia đình ông từ trước đến nay chưa từng ký bất cứ giấy tờ gì hiến đất làm nương công cộng và con nương này ông để các hộ dân sử dụng vì tình làng nghĩa xóm, không có căn cứ thể hiện là nương công cộng, khi ông Nội làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSDĐ thì ông không ký giáp ranh nhưng không hiểu tại sao giấy chủ quyền ông Nội lại có con nương.

Do đó ông L khởi kiện yêu cầu hủy bỏ công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 và yêu cầu UBND xã Tphải thực hiện việc xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông L.

*Tại bản ý kiến ngày 09/9/2020 bà Nguyễn Thị Hương - Chủ tịch UBND xã Tlà người bị kiện và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã Trình bày:*

Theo sơ đồ địa chính tỉ lệ 1/5000 đường nước mà ông L khiếu kiện có chiều dài 196 mét đi qua 15 thửa rộng 2,5 - 3 mét trong đó đoạn tranh chấp giữa ông L và ông Nội dài khoảng 30 mét, qua xác minh thì các ông Nội, ông Lương, ông Thường cũng như Bí thư chi bộ áp xác định nguồn gốc đường nước trước 1975 người dân sử dụng để ghe xuống chuyên chở hàng hóa ra rạch ông Đạo. Việc ông L cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông không thể hiện kênh tuy nhiên ông không biết sơ đồ địa chính tỉ lệ 1/5000 các kênh có kích thước nhỏ hơn 5 mét không thể hiện trên bản đồ. Giấy chủ quyền cấp cho ông Nguyễn Văn Ba cha ông Nội trên bản đồ 1/5000 cũng không thể hiện đường nước này, chỉ khi đo đạc thực tế để ông Nội làm hồ sơ thừa kế thì xác định đường nước công cộng rộng 2,5 mét. Do đó UBND xã xác định phần đường nước ông L xây nhà sàn lấn chiếm là đường nước công cộng do UBND xã không đầu tư nạo vét khơi thông dòng chảy nên đường nước bị bồi đắp. Do là đường nước chung nên UBND xã trả lời ông L bằng công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 xác định là đường nước chung phục vụ cho các hộ dân không thuộc quyền sử dụng riêng của ai kể cả ông L là đúng qui định.

*Tại công văn số 1742/UBND-TD ngày 23/6/2020 Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Theo sơ đồ đất tỉ lệ 1/5000 đường nước mà ông Nguyễn Văn L khiếu nại có chiều dài khoảng 196 mét đi qua 15 thửa đất diện tích 21.874 m<sup>2</sup> đất của 15 hộ dân, nằm giữa các thửa 401, 403, 404, 406, 403, 408, 302, 411, 414, 412, 415; rộng 2,5m - 3,0m tùy đoạn (kèm sơ đồ) đoạn tranh chấp giữa ông L và ông Nội (UBND xã T) khoảng 30 mét.

UBND xã Tổ chức xác minh các hộ dân sử dụng chung đường nước gồm: Nguyễn Đình Nội, Nguyễn Văn Lương, Lê Văn Thường năm 2018 và biên bản ghi lời trình bày của bí thư kiêm trưởng ấp X, xã Tnăm 2020 thì nguồn gốc đường nước này hình thành từ trước 1975 người dân sử dụng để ghe xuống chở lúa từ ruộng ra rạch Xóm Phụng và vận chuyển vật tư từ rạch ông Đạo, rạch xóm Phụng qua đường nước này để cất nhà...Do đó ông L cho là ông đào

đường nước này cho dân sử dụng là không có cơ sở bởi đường nước còn lại dài 170 mét do nhân dân sử dụng chung đường nước này đào và đều thừa nhận là đường nước công cộng.

Việc ông L cho rằng thửa 401 của ông giáp thửa 403 của ông Nguyễn Đình Nội và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông không thể hiện kênh. Trong khi Ủy ban nhân dân xã Tcó văn bản số 79/UBND ngày 03/7/2019 xác định là kênh công cộng là không đúng, tuy nhiên ông L không biết sơ đồ địa chính tỉ lệ 1/5000 các kênh mương có kích thước nhỏ hơn 5 mét không thể hiện được trên bản đồ. Giấy cấp cho ông Nguyễn Văn Ba cha ông Nguyễn Đình Nội trên bản đồ 1/5000 cũng không thể hiện đường nước này. Hồ sơ thừa kế từ ông Ba cho ông Nội năm 2009 là đo thực tế đã xác định là đường nước công cộng rộng 2,5 mét. Vì vậy UBND xã Tký xác định ranh cho ông Nguyễn Đình Nội tại phần giáp đường nước là đúng qui định. Tóm lại các chứng cứ theo hiện trạng đường nước và lời trình bày của các hộ dân, Bí thư, trưởng ấp X xác định đường nước mà ông L khiếu kiện là đường nước công cộng, tuy nhiên từ trước đến nay UBND xã Tkhông đầu tư nạo vét, khai thông nên xác định chính xác là đường nước chung do UBND xã quản lý phục vụ chung cho các hộ dân trong khu vực không thuộc quyền sử dụng riêng của hộ gia đình hay cá nhân nào kể cả ông Nguyễn Văn L.

Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 22 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ các Điều 31, 116, 157,158,164,193,206 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 12, 132, 164,204,208 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tvà yêu cầu UBND xã phải thực hiện việc xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 25/9/2020, ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm 01/2020/HCST ngày 22 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, không cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người bị kiện UBND xã T, Chủ tịch UBND xã T, đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hương - Chức vụ, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Ủy ban nhân dân huyện C, đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn Bé Hai - Chủ tịch UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang tất cả đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan quy định tại Khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L nộp trong thời hạn và đúng theo quy định tại điều 205 Luật tố tụng hành chính, nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 điều 30; khoản 2 điều 32 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[3] Về hình thức, tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

\* Về hình thức: Công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tban hành đúng quy định và được ban hành theo đúng thể thức của một văn bản hành chính.

\* Tính hợp pháp:

Công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã Tban hành trên cơ sở biên bản xác minh thửa đất số 401 do ông Nguyễn Văn L quản lý sử dụng, xác minh hiện trạng và những người lớn tuổi các hộ dân sử dụng chung đường nước gồm: Nguyễn Đình Nội, Nguyễn Văn Lương, Lê Văn Thương năm 2018 và biên bản ghi lời trình bày của bí thư kiêm trưởng ấp X, xã Tnăm 2020 thì nguồn gốc đường nước này hình thành từ trước 1975 người dân sử dụng để ghe xuồng chở lúa từ ruộng ra rạch Xóm Phụng và vận chuyển vật tư từ rạch ông Đạo, rạch xóm Phụng qua đường nước này để cất nhà...Do đó ông L cho là ông đào đường nước này cho dân sử dụng là không có cơ sở bởi đường nước còn lại dài 170 mét do nhân dân sử dụng chung đường nước này đào và đều thừa nhận là đường nước công cộng.

Trên cơ sở đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hội đồng đã ban hành văn bản số: 143/UBND ngày 09/12/2019 về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn L là đúng quy định.

Bản án sơ thẩm đã xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy Công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 thì ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

[4] Xét yêu cầu hủy Văn bản: Ông L kháng cáo cho rằng cần phải hủy Công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ vào các biên bản xác minh (từ bút lục 20 đến 25a) cụ thể Nguyễn Đình Nội, Nguyễn Văn Lương, Lê Văn Thường, ông Trần Văn Cu, bà Phạm Thị Trục, ông Trần Văn Bảy là những người lớn tuổi có những bất động sản liền kề với con kênh công cộng thì cho rằng con kênh này hình thành và có nguồn gốc trước năm 1975, người dân sử dụng đường nước này để ghe xuồng chở lúa từ ruộng ra rạch ông Đạo và vận chuyển vật tư từ rạch ông Đạo vào. Nên việc ông L cho rằng con kênh này là của ông tự đào là không có cơ sở.

Đồng thời căn cứ sơ đồ địa chính tỉ lệ 1/5000 các kênh mương có kích thước nhỏ hơn 5 mét không thể hiện được trên bản đồ. Giấy cấp cho ông Nguyễn Văn Ba cha ông Nguyễn Đình Nội trên bản đồ 1/5000 cũng không thể hiện đường nước này. Hồ sơ thừa kế từ ông Ba cho ông Nội năm 2009 là đo thực tế đã xác định là đường nước công cộng rộng 2,5 mét. Vì vậy UBND xã T ký xác định ranh cho ông Nguyễn Đình Nội tại phần giáp đường nước là đúng qui định.

Nên việc khởi kiện của ông là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông.

Đối với phần án phí cấp sơ thẩm đã tuyên, cho thấy ông Nguyễn Văn L sinh năm 1947 đến nay đã hơn 60 tuổi, căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định những trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí “đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; ...” ông L thuộc trường hợp được miễn án phí, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông L phải chịu án phí là không đúng quy định pháp luật. Do đó cần sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

**Về án phí:** Do án sơ thẩm bị sửa phần án phí và ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí, phúc thẩm và án phí sơ thẩm điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định những trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí “đ) Trẻ em; cá nhân thuộc hộ nghèo, cận nghèo; người cao tuổi; ...” Do đó cần sửa án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2, Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ các Điều 31, 116, 157, 158, 164, 193, 206 Bộ luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 12, 132, 164, 204, 208 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L.

2/ Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2020/HCST ngày 22 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về phần án phí.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu hủy công văn số 79/UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tvà yêu cầu UBND xã phải thực hiện việc xác nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm và án phí hành chính sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L đã đóng số tiền tạm ứng án phí là 600.000đồng theo các biên lai thu số 0002526 ngày 10/3/2020 và biên lai thu số 0003173 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án huyện C, tỉnh Tiền Giang nên ông L được hoàn lại 600.000đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Triều**